

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95 /2017/HSST

Ngày: 26/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hanh

2. Ông Nguyễn Văn Thắm

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Cán bộ TAND huyện Thanh Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà; Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 93/2017/HSST ngày 06/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2017/HSST-QĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1985; ĐKKHKT; trú tại: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Hàn Thị Y, sinh năm 1966; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1984 và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/7/2017, tạm giam từ ngày 31/7/2017 đến nay tại trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Đào Văn B** sinh năm 1986; ĐKKHKT; trú tại: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Đào Văn C và bà Phùng Thị T; có vợ là Trần Thị A, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2008.

Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp bảo lãnh theo quyết định cho bảo lãnh số 02 ngày 23/8/2017 của cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Hà. (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Ông Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1964

Trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

Chị Đặng Thị C, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M không có việc làm ổn định, do muốn có tiền tiêu sài nên M nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Khoảng 02 giờ ngày 20/8/2016, M đem theo 01 chiếc cờ lê dài khoảng 15cm, rộng khoảng 3cm, đi bộ từ nhà ở thôn Thôn A, xã K, huyện T đến nhà ông Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1964 ở thôn Đ, xã K, huyện T. Lợi dụng lúc đêm tối vắng người, M trèo qua rào lưới sắt B40 vào trong khu vực bể nước nhà ông Tr, qua ánh đèn điện M phát hiện thấy 01 chiếc máy bơm nước nhãn hiệu LEPOLO, M lấy Cờ lê tháo chân ốc máy bơm nước ra rồi bê máy bơm nước ra ngoài theo lối đã vào, sau đó M bê máy bơm nước về nhà cất giấu. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày M đi bộ đến nhà chị Đặng Thị C ở cùng thôn, M trèo qua tường bao vào trong thấy cửa nhà khóa, cửa bếp không khóa, M đi vào trong bếp thấy 01 chiếc máy nghiền ngô có gắn mô tơ điện nhãn hiệu Trường Mạnh. M lấy Cờ lê tháo ốc mô tơ điện bê ra ngoài theo lối đã vào rồi bê mô tơ điện về nhà cất giấu. Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày khi M đang ở nhà thì có Đào Văn B ở cùng thôn đi xe máy nhãn hiệu Dream, không rõ biển số đến chơi, tại đây M bảo B “*tao vừa lấy trộm được máy bơm nước và mô tơ điện, mày đi bán cùng tao*”, B đồng ý rồi điều khiển xe máy chở M bê theo máy bơm nước đến nhà anh Vũ Đình Ch ở xã S, huyện T bán được 500.000đ. Sau đó M, B quay lại nhà M lấy chiếc mô tơ điện bán cho anh Ch được 400.000đ. M, B chi tiêu hết số tiền trên. Ông Tr, chị C phát hiện tài sản bị mất đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 29/8/2016 Đào Văn B đi xe máy nhãn hiệu Dream, không rõ biển số đến nhà Nguyễn Văn M ở thôn A, xã K, huyện T chơi, tại đây M rủ B đi trộm cắp tài sản, B đồng ý. Khoảng 8 giờ cùng ngày B, M đi bộ đến nhà chị Nguyễn Thị Q ở cùng thôn thấy không có người ở nhà, cổng không khóa. M, B mở cổng đi vào trong thấy cửa bếp khóa, B lấy thanh sắt vuông tại nhà tắm dài khoảng 60cm, rộng khoảng 02cm, B dùng thanh sắt tỳ bẩy tung khay khóa cửa bếp ra, M đi vào trong bếp phát hiện thấy 01 bình ga màu hồng loại 19,5kg, M cho bình ga vào trong bao tải màu trắng rồi vác bình ga về nhà cất giấu. Đến khoảng 8 giờ 30 phút, B điều khiển xe máy chở M bê theo bình ga màu hồng đến cửa hàng ga “*HQ*” ở xã TT, huyện T bán cho chị Trần Thị Q được 180.000đ; M, B chi tiêu hết số tiền trên. Khoảng 09 giờ cùng ngày M đi bộ một mình đến nhà chị Nguyễn Thị Q ở cùng thôn, Mạnh đi vào trong bếp lấy 01 ổ áp điện nhãn hiệu SIVINA,

loại 2KVA, M bê ỏn ỏp về nhà cất giấu. Chổ Q phát hiện tài sản bị mất đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an. Ngày 29/8/2016 Công an xã K, huyện T triệu tập M, B đến làm việc; M, B đã khai nhận hành vi trộm cắp trên. Sau khi làm việc với Cơ quan Công an M, B bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 28/7/2017 M đến Công an đầu thú, ngày 23/8/2017 B đến Công an đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐGTS ngày 06/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận:

Chiếc máy bơm nước nhãn hiệu LEPONO, giá trị còn lại là 90%: $2.100.000đ \times 90\% = 1.890.000đ$.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐGTS ngày 06/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận:

Chiếc mô tô nhãn hiệu Trường Mạnh, loại 2,2kw giá trị còn lại là 80%: $4.500.000đ \times 80\% = 3.600.000đ$.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36/KL- HĐGTS ngày 06/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Hà kết luận:

01 bình ga màu hồng có trọng lượng là 19,5kg (trong bình có 6kg gas) trị giá là: $20.000đ \times 6kg + 250.000đ = 370.000đ$.

01 chiếc ỏn ỏp nhãn hiệu SUVINA loại 2KVA, giá trị còn lại là 40%: $750.000đ \times 40\% = 300.000đ$.

Tổng cộng: $370.000đ + 300.000đ = 670.000đ$.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M và Đào Văn B thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản ngày 20/8 và 29/8.

Người bị hại ông Nguyễn Đức Tr, chị Nguyễn Thị Q, chị Đặng Thị C; người có quyền lợi liên quan anh Ch không yêu cầu các bị cáo bồi thường, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKS ngày 05/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Đào Văn B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; Đào Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 138 BLHS đối với bị cáo M; khoản 1 Điều 250 BLHS đối với bị cáo B; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điểm a, b khoản 1 điều 41, 33 BLHS; điểm a, c khoản 2 điều 76; Điều 99 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Luật phí và lệ phí năm 2015 đối với 2 bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 28/7/2017; Bị cáo Nguyễn Văn B từ 6 đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết; vật chứng: Truy thu của

2 bị cáo 1.900.000đ sung quỹ nhà nước. Về án phí: bị cáo M và B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Lời sau cùng bị cáo Nguyễn Văn M và Đào Văn B đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại C, Tr, Q, người làm chứng Th, Ho, Ch, Qu; phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ ngày 20/8/2016, tại nhà ông Nguyễn Đức Tr ở thôn Đ, xã K, huyện T. Nguyễn Văn M đã lén lút chiếm đoạt 01 máy bơm nước nhãn hiệu LEPONO, giá trị 1.890.000đ. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày tại nhà chị Đặng Thị C ở thôn A, xã K, huyện T, M đã lén lút chiếm đoạt 01 mô tơ điện nhãn hiệu Trường Mạnh, giá trị 3.600.000đ. Tổng giá trị tài sản là 5.490.000đ. Đào Văn B biết rõ chiếc máy bơm nước, mô tơ điện do M trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cùng M tìm nơi tiêu thụ, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Khoảng 08 giờ ngày 29/8/2016 tại nhà chị Nguyễn Thị Q, ở thôn A, xã K, huyện T. Nguyễn Văn M và Đào Văn B đã lén lút chiếm đoạt 01 bình ga màu hồng, giá trị 370.000đ rồi đem đi bán được 180.000đ lấy tiền tiêu sài. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày M lại tiếp tục đến nhà chị Nguyễn Thị Q chiếm đoạt 01 ỏn áp nhãn hiệu SUVINA, giá trị 300.000đ.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn M chiếm đoạt là 6.160.000đ.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Đào Văn B về tội “Tiêu Thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn M là người có đủ năng lực hành vi dân sự, biết rõ việc vào nhà người khác trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong hai ngày 20/8/2016 và ngày 29/8/2016 bị cáo đã lợi dụng lúc đêm tối và rạng sáng khi người bị hại đã đi ngủ, vắng nhà; lén lút thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần. Xét về nhân thân bị cáo đã bị TAND huyện Thanh Hà xử phạt 04 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 36/2015/HSST ngày 15/7/2015. Tuy nhiên số tiền tham gia đánh bạc của bị cáo là 3.480.000đ nên theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 về hướng dẫn áp dụng những tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo thì bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Đào Văn B mặc dù biết tài sản do M trộm cắp mà có nhưng khi M rủ đi bán cùng, B đã đồng ý và cùng M chi tiêu hết số tiền bán tài sản do M trộm cắp. Ngoài ra bị cáo B còn cùng M thực hiện hành vi trộm cắp bình gas nhà chị Nguyễn Thị Q ở thôn A, xã K, huyện T. Do trị giá bình gas là 180.000đ không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo đã bị xử phạt hành chính.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M và Đào Văn B là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây dư luận xấu trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến đời sống tâm lý xã hội và mất trật tự trị an trên địa bàn xã K, TT nói riêng và huyện H nói chung.

Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu: Bị cáo M đã bị đưa ra xét xử; bị cáo B đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện nhưng không lấy đó là bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện mà còn tiếp tục phạm tội. Do vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo M thực hiện 4 hành vi trộm cắp nhưng chỉ có 1 hành vi trên định lượng (2 triệu) còn lại 3 hành vi trộm cắp dưới 2 triệu đồng nên không phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần. Bị cáo B không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M và Đào Văn B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú. Bị cáo Đào Văn B có ông nội là Liệt sỹ, mẹ đẻ là thanh niên xung phong có thành tích trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc, do vậy cần giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Văn M và Đào Văn B đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Đức Tr; chị Đặng Thị C; chị Nguyễn Thị Q đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường; anh Vũ

Đình Ch không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền 900.000đ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Chiếc xe máy nhãn hiệu Dream không rõ biển số B dùng để chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ và chở M đi trộm cắp ngày 29/8/2016, sau khi phạm tội Đào Văn B đã bán cho một người không quen biết được 1.000.000đ. Cần truy thu số tiền này và 900.000đ do M, B bán tài sản trộm cắp mà có sung quỹ nhà nước

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M và Đào Văn B phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Đào Văn B phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, 2 Điều 46, 33 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M;

Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, 33 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào Văn B.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 10 (mười) tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 28/7/2017.

Bị cáo Đào Văn B 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 41 BLHS; điểm a, c khoản 2 điều 76 BLTTHS; Truy thu của Nguyễn Văn M: 500.000đ; Đào Văn B: 1.400.000đ (1.000.000đ + 400.000đ) sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh do chậm nộp tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015:

Bị cáo Nguyễn Văn M và Đào Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d án phí sơ thẩm hình sự.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. người bị hại vắng mặt tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Trại tạm giam Kim Chi.
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện ;
- Bị cáo, bị hại.
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Bùi Đăng Huy